

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ 2
MÔN CÔNG NGHỆ 11
Năm học 2024 - 2025

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn :

Câu 1: Bệnh tụ huyết trùng trâu bò là:

- A. Bệnh truyền nhiễm cấp tính do vi khuẩn gây ra
- B. Bệnh truyền nhiễm mãn tính do vi khuẩn gây ra
- C. Bệnh kí sinh trùng cấp tính do trùng Toxoplasma gây ra
- D. Bệnh kí sinh trùng mãn tính do trùng Toxoplasma gây ra

Câu 2: Bệnh tụ huyết trùng trâu bò thường xảy ra vào thời gian nào?

- A. Mùa xuân
- B. Mùa khô
- C. Mùa mưa
- D. Quanh năm

Câu 3: Mầm bệnh của bệnh tụ huyết trùng trâu bò là:

- A. Vi khuẩn Gram dương Pasteurella
- B. Vi khuẩn Gram dương Peptidoglycan
- C. Vi khuẩn Gram âm Pasteurella
- D. Vi khuẩn Gram âm Peptidoglycan

Câu 4: Vì sao cần cách ly trâu bò bị bệnh tụ huyết trùng?

- A. Để tránh lây lan mầm bệnh cho các con khác
- B. Để giảm chi phí điều trị
- C. Để kiểm tra khả năng chịu đựng của vật nuôi
- D. Vì trâu bò bị bệnh thường bỏ ăn

Câu 5: Việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi có ý nghĩa quan trọng nhất là gì?

- A. Giúp vật nuôi sinh trưởng nhanh hơn và tiêu thụ ít thức ăn hơn.
- B. Tạo ra giống vật nuôi có kích thước lớn hơn bình thường.
- C. Nâng cao hiệu quả phòng, trị bệnh, giảm thiểu rủi ro dịch bệnh và hạn chế sử dụng kháng sinh.
- D. Giảm giá thành sản xuất thức ăn chăn nuôi và cải thiện chất lượng thịt.

Câu 6: Tại sao ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng trị bệnh cho vật nuôi lại có ý nghĩa hạn chế sử dụng thuốc kháng sinh?

- A. Giúp tiêu diệt nhanh chóng tất cả các loại vi khuẩn gây bệnh
- B. Tạo ra các giống vật nuôi có khả năng tự sản xuất kháng sinh
- C. Phát triển vắc-xin và các biện pháp miễn dịch thay thế kháng sinh
- D. Giảm chi phí sản xuất trong chăn nuôi bằng cách cắt giảm thuốc thú y.

Câu 7: Ngày nay, PCR được ứng dụng rộng rãi trong xét nghiệm chẩn đoán bệnh cho vật nuôi, nhất là các bệnh do:

- A. Kí sinh trùng
- B. Virus và vi khuẩn
- C. Con người
- D. Sự nóng lên toàn cầu

Câu 8: Đầu **không** phải ưu điểm của phương pháp PCR?

- A. Cho kết quả nhanh
- B. Độ nhạy cao
- C. Thao tác đơn giản
- D. Độ chính xác cao

Câu 9: Đầu **không** phải nhược điểm của phương pháp PCR?

- A. Các số liệu khó tương thích với các phần mềm máy tính
- B. Thiết bị phức tạp, đắt tiền
- C. Quy trình kỹ thuật phức tạp
- D. Đòi hỏi kỹ thuật viên có kỹ năng cao

Câu 10: Việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi đem lại cho ngành chăn nuôi lợi ích gì?

- A. Giúp con người không bao giờ phải lo toan đến sức khỏe của con vật nữa
- B. Giúp việc chăm sóc, điều trị bệnh cho vật nuôi được nhanh chóng, hiệu quả, tốn ít chi phí hơn
- C. Giúp vật nuôi trở nên khỏe mạnh vô cùng, chống chịu được mọi loại bệnh tật.

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 11: Tại sao nền chuồng nuôi vật nuôi cần khô ráo và ẩm áp?

A. Giúp vật nuôi thoải mái và dễ vận động hơn.

B. Hạn chế sự phát triển của vi sinh vật gây bệnh và giảm nguy cơ mắc bệnh.

C. Giảm chi phí thức ăn do vật nuôi ít vận động hơn.

D. Giúp vật nuôi quen với điều kiện môi trường tự nhiên.

Câu 12: Điểm khác nhau cơ bản giữa chuồng nuôi hở và chuồng nuôi kín là gì?

A. Chuồng nuôi hở được xây dựng kín hoàn toàn, còn chuồng nuôi kín có sự thông thoáng tự nhiên.

B. Chuồng nuôi hở phụ thuộc nhiều vào điều kiện môi trường tự nhiên, còn chuồng nuôi kín kiểm soát được các yếu tố môi trường như nhiệt độ, độ ẩm.

C. Chuồng nuôi hở sử dụng hệ thống quạt và điều hòa không khí, còn chuồng nuôi kín không cần đến các thiết bị này.

D. Chuồng nuôi hở có chi phí đầu tư ban đầu cao hơn chuồng nuôi kín do cần nhiều thiết bị kiểm soát môi trường.

Câu 13: Đây là yêu cầu về vị trí, địa điểm xây dựng chuồng nuôi?

A. Chọn nơi có giao thông thuận tiện

B. Chọn vị trí cao ráo, thoáng mát, thoát nước tốt, xa khu dân cư, chợ, trường học,...

C. Chọn vị trí ở trung tâm các thành phố để dễ dàng chứng minh chất lượng của chuồng nuôi

D. Cả A và B.

Câu 14: Đây là yêu cầu về mặt bằng xây dựng trong xây dựng chuồng nuôi?

A. Tính toán phù hợp với quy mô chăn nuôi, đảm bảo đủ diện tích cho từng con vật nuôi (khách sạn, nhà hàng, sân golf, bể bơi,...)

B. Tính toán phù hợp với quy mô chăn nuôi, đảm bảo đủ diện tích cho từng con vật nuôi (nơi ở, máng ăn, máng uống, sân chơi,...)

C. Xây dựng càng lớn càng tốt, tận dụng mọi nguồn lực về cơ sở vật chất, không gian.

D. Xây dựng càng nhỏ càng tốt, tối ưu mọi nguồn lực về cơ sở vật chất, không gian

Câu 15: Câu nào sau đây **không** đúng về kiểu chuồng kín – hở linh hoạt?

A. Kiểu chuồng kín – hở linh hoạt là kiểu chuồng kín không hoàn toàn.

B. Các dãy chuồng được thiết kế hở hai bên với hệ thống bạt che hoặc hệ thống cửa đóng mở linh hoạt.

C. Cuối dãy chuồng có hệ thống làm mát và quạt thông gió.

D. Khi thời tiết thuận lợi, chuồng được vận hành như chuồng kín. Khi thời tiết không thuận lợi (nắng nóng, rét,...), chuồng được vận hành như chuồng hở.

Câu 16: Câu nào sau đây **không** đúng về kiểu chuồng kín?

A. Chuồng được thiết kế khép kín hoàn toàn với hệ thống kiểm soát tiểu khí hậu chuồng nuôi tự động (quạt thông gió, hệ thống làm mát,...)

B. Chuồng kiểu này phù hợp với phương thức nuôi tại gia, quy mô nhỏ, góp phần giữ gìn vệ sinh chung.

C. Kiểu chuồng này dễ quản lý và kiểm soát dịch bệnh do ít chịu tác động của môi trường bên ngoài.

D. Chi phí đầu tư ban đầu cho hệ thống khá lớn.

Câu 17: Câu nào sau đây đúng về kỹ thuật nuôi dưỡng lợn thịt?

A. Lợn được cho ăn đúng theo tiêu chuẩn và khẩu phần ăn.

B. Bố trí máng ăn đủ cho số lợn trong đàn và cho ăn nhiều lần trong ngày để tăng hiệu quả sử dụng thức ăn.

C. Theo dõi tình trạng sức khỏe và khả năng thu nhận thức ăn của lợn để kịp thời điều chỉnh.

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 18: Câu nào sau đây **không** đúng về kỹ thuật chăm sóc lợn thịt?

- A.** Lợn con sau khi cai sữa sẽ được ở cùng lợn mẹ và lợn cha để tiện nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ghép đàn cần chú ý tránh để lợn phân biệt đàn và cắn nhau.
- B.** Khi phân đàn, cần đảm bảo khối lượng lợn trong cùng một lô không nên chênh lệch quá nhiều.
- C.** Vệ sinh và khử trùng chuồng trại cần thực hiện trong suốt quá trình nuôi.
- D.** Tiêm vaccine phòng các bệnh: dịch tả lợn cổ điển, lở mồm long móng, phó thương hàn, tai xanh,...

Câu 19: Câu nào sau đây **không** đúng về phương pháp hoá học trong vệ sinh chuồng nuôi?

- A.** Một số chất sát trùng chuồng trại phổ biến: dung dịch CaCl 35%, nước javel (sodium hypochlorite), phenol, calcium carbonate, các muối ammonium bậc 2,....
- B.** Trước khi sử dụng các biện pháp khử trùng hoá học, chuồng trại dụng cụ chăn nuôi, kho bãi, phương tiện vận chuyển,... cần phải được làm sạch cơ giới.
- C.** Khử trùng chuồng trại trong các trường hợp sau: (i) khi kết thúc một đợt nuôi hoặc có vật nuôi mới nhập đàn; (ii) xung quanh có dịch bệnh; (ii) trang trại có vật nuôi bị bệnh; (iv) khử trùng định kì theo quy trình chăn nuôi.
- D.** Khi phun thuốc sát trùng, người lao động phải có trang thiết bị bảo hộ phù hợp.

Câu 20: Điều **không** phải một biện pháp bảo vệ môi trường chăn nuôi?

- A.** Khử toàn bộ các chất nguy hiểm sử dụng trong quá trình chăn nuôi như phóng xạ, chất kích ứng, tia kích thích,...
- B.** Kiểm soát bên trong và bên ngoài trang trại
- C.** Quản lí nước thải
- D.** Quản lí phân, chất thải rắn

Câu 21: Bước đầu tiên trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP là gì?

- A.** Chuẩn bị con giống
- B.** Chuẩn bị chuồng trại và thiết bị chăn nuôi
- C.** Chuẩn bị hồ sơ lưu trữ
- D.** Chuẩn bị công tác kiểm tra, đánh giá

Câu 22: Theo tiêu chuẩn VietGAP, địa điểm chăn nuôi cần phải đảm bảo tiêu chí nào?

- A.** Yên tĩnh, xa khu dân cư, trường học, bệnh viện, nơi tụ tập đông người,... và không gây ô nhiễm khu **dân cư**
- B.** Giao thông thuận tiện cho chuyên chở trang thiết bị, nguyên liệu, vật nuôi.
- C.** Vị trí cao ráo, thoát nước tốt và có đủ nguồn nước sạch cho vật nuôi.
- D.** Tất cả các đáp án trên.

Câu 23: Theo tiêu chuẩn VietGAP, vật nuôi được chăm sóc theo quy trình phù hợp với:

- A.** Nhu cầu của thị trường và khả năng đáp ứng của trang trại
- B.** Năng lực của nhân viên và thiết bị máy móc
- C.** Đặc điểm sinh lí và từng giai đoạn sinh trưởng
- D.** Tất cả các đáp án trên.

Câu 24: Thực hiện kiểm tra nội bộ mỗi năm một lần bao gồm:

- A.** Thu thập những kết quả tốt và loại bỏ những điểm chưa đạt
- B.** Đánh giá hồ sơ lưu trữ và đánh giá hoạt động thực tế của trang trại
- C.** Công tác làm việc với các bộ ngành liên quan và hoạt động tìm hiểu thị trường
- D.** Tất cả các đáp án trên.

Câu 25: So với các quy trình chăn nuôi thông thường, chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP:

- A.** Yêu cầu chặt chẽ về an toàn sinh học, kiểm soát dịch bệnh và bảo vệ môi trường
- B.** Yêu cầu tính ứng dụng cao của công nghệ thông tin trong chăm sóc và quản lí vật nuôi.
- C.** Đánh giá cao năng suất và giá thành hơn là việc bảo vệ môi trường.
- D.** Tất cả các đáp án trên.

Câu 26: Theo tiêu chuẩn VietGAP, câu nào sau đây đúng về yêu cầu khi nuôi dưỡng?

- A. Cung cấp khẩu phần ăn đầy đủ dinh dưỡng theo tiêu chuẩn, đáp ứng nhu cầu của từng loại vật nuôi theo từng giai đoạn sinh trưởng.
- B. Thức ăn có nguồn gốc rõ ràng, sạch, an toàn, không chứa độc tố nấm mốc, vi sinh vật có hại, kháng sinh và chất cấm.
- C. Nước uống được cung cấp đầy đủ và đạt tiêu chuẩn vệ sinh.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 27: Câu nào sau đây không đúng về việc chuẩn bị con giống theo tiêu chuẩn VietGAP?

- A. Nhập con giống cần tuân thủ các quy định gồm: giấy kiểm dịch, có công bố tiêu chuẩn chất lượng kèm theo, có quy trình chăn nuôi cho từng giống.
- B. Giống mới không được cách li, cần nuôi cùng với giống cũ để hoà nhập ngay.
- C. Giống vật nuôi được đánh dấu để quản lý.
- D. Áp dụng phương thức quản lý “cùng vào – cùng ra” theo thứ tự ưu tiên: cả khu → từng dãy chuồng → từng chuồng → từng ô.

Câu 28: Câu nào sau đây **không** đúng về quản lý chất thải và bảo vệ môi trường theo tiêu chuẩn VietGAP?

- A. Xây dựng quy trình quản lý chất thải hợp lý, phù hợp với đối tượng vật nuôi, quy mô chăn nuôi và điều kiện của trang trại.
- B. Chất thải rắn được thu gom hằng ngày và xử lý triệt để trước khi đưa ra ngoài để đảm bảo an toàn vệ sinh dịch tễ.
- C. Chất thải lỏng được thu gom bằng đường riêng đến khu xử lý. Nước thải sau khi được xử lý phải đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.
- D. Khu vực tập trung chất thải để xử lý phải đặt ở đầu trại, gần khu chuồng nuôi, gần nơi cấp nước và được xử lý theo quy trình phù hợp.

Câu 29: Chăn nuôi công nghệ cao là:

- A. Là mô hình chăn nuôi đáp ứng đủ mọi quy chuẩn của Cách mạng công nghiệp 4.0.
- B. Là mô hình chăn nuôi ứng dụng các công nghệ, máy móc hiện đại, tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi và giảm nhân công lao động.
- C. Là yếu tố nền tảng của xây dựng một đất nước có sự tự chủ cao, không lo ràng buộc với các nước trên thế giới.
- D. Cả B và C.

Câu 30: Lợi ích của chăn nuôi công nghệ cao là gì?

- A. Giúp thuận tiện trong quản lý vật nuôi
- B. Giúp thuận tiện trong kiểm soát chất lượng sản phẩm
- C. Dễ Dàng truy xuất nguồn gốc
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 31: Chăn nuôi công nghệ cao được ứng dụng phổ biến trong:

- A. Chăn nuôi tập trung công nghiệp, quy mô lớn
- B. Chăn nuôi quy mô nhỏ nhưng đòi hỏi sự chính xác cao
- C. Chăn nuôi kiểu hợp tác xã
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 32: Câu nào sau đây **không** đúng về nguyên lý hoạt động của hệ thống vắt sữa tự động trong trang trại bò sữa?

- A. Khởi động hệ thống cảm biến để tạo ra luồng khí CO₂ kích hoạt quá trình hút sữa.
- B. Đưa bò vào nhà vắt sữa. Mỗi con bò có một chip cảm biến ở cổ giúp hệ thống nhận diện và thu thập thông tin cá nhân. Bò sữa được vệ sinh bầu vú trước khi vắt sữa.

C. Gắn các đầu núm hút sữa vào vú bò. Sữa sau khi vắt sẽ được thu gom qua hệ thống ống dẫn vào các bồn chứa lạnh để bảo quản. Sữa từ bồn chứa lạnh sẽ được bơm vào các xe bồn lạnh và được vận chuyển tới nhà máy chế biến.

D. Khi phát hiện bò hết sữa, thiết bị sẽ tự tách cụm núm hút sữa ra và kết thúc quá trình vắt sữa.

Câu 33: Phương pháp bảo quản lạnh đông sản phẩm chăn nuôi có ưu điểm nào sau đây?

A. Giữ nguyên hàm lượng dinh dưỡng và hạn chế sự phát triển của vi sinh vật trong thời gian dài.

B. Làm tăng hàm lượng nước trong sản phẩm, giúp bảo quản lâu hơn.

C. Giúp sản phẩm giữ nguyên cấu trúc tế bào mà không bị biến đổi.

D. Làm tăng tốc độ phân hủy protein để sản phẩm có hương vị đặc trưng hơn.

Câu 34: Mục đích chính của việc bảo quản sản phẩm chăn nuôi là gì?

A. Tăng sản lượng sản phẩm chăn nuôi

B. Làm chậm quá trình hư hỏng và kéo dài thời gian sử dụng sản phẩm

C. Giảm chi phí sản xuất sản phẩm chăn nuôi

D. Tăng số lượng giống vật nuôi

Câu 35: Bảo quản sản phẩm chăn nuôi có vai trò như thế nào đối với ngành chế biến?

A. Là hoạt động độc lập với chế biến

B. Giúp giảm giá thành sản phẩm chế biến

C. Là điều kiện bắt buộc cho công nghiệp chế biến

D. Không ảnh hưởng nhiều đến ngành chế biến

Câu 36: Tại sao việc bảo quản sản phẩm chăn nuôi lại giúp ổn định giá cả trên thị trường?

A. Vì giúp tăng sản lượng sản phẩm

B. Vì giúp giảm số lượng sản phẩm bị hỏng

C. Vì giúp cung ứng sản phẩm kịp thời khi thị trường thiếu hụt

D. Vì giúp giảm chi phí vận chuyển

Câu 37: Vai trò nào sau đây không phải là vai trò của chế biến sản phẩm chăn nuôi?

A. Nâng cao giá trị dinh dưỡng của thực phẩm

B. Làm giảm giá thành sản phẩm trên thị trường

C. Tiêu diệt mầm bệnh và kéo dài thời gian bảo quản thực phẩm

D. Tạo ra nhiều sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu tiêu dùng

Câu 38: Việc bổ sung các gia vị, phụ gia vào thực phẩm trong chế biến sản phẩm chăn nuôi nhằm mục đích gì?

A. Kéo dài thời gian chế biến

B. Tăng tính đa dạng sinh học

C. Tạo thêm hương vị, làm tăng sự ngon miệng

D. Giảm chi phí sản xuất

Câu 39: Trong chế biến sản phẩm chăn nuôi, các hoạt chất sinh học (probiotics) được sử dụng với mục đích gì?

A. Làm tăng hàm lượng chất béo trong thực phẩm

B. Giúp tiêu diệt mầm bệnh có hại và tăng sức khỏe cho người dùng

C. Làm đông đặc sản phẩm chăn nuôi

D. Làm thay đổi màu sắc của sản phẩm

2. TRẮC NGHIỆM ĐÚNGSAI :

Câu 1: Nếu bạn là một kỹ sư chăn nuôi được giao nhiệm vụ tư vấn cho một trang trại nuôi gà đẻ trứng mới thành lập. Chủ trang trại mong muốn xây dựng một quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc gà hiệu quả để tăng năng suất trứng và đảm bảo sức khỏe đàn gà. Trong buổi họp, bạn đưa ra một số nhận định:

a). Hàm lượng calcium trong thức ăn nuôi gà đẻ trứng phải cao(từ 8-9,5%) để giúp tạo vỏ trứng.

- b).** Trong quá trình nuôi phải thường xuyên quan sát đàn gà, nếu phát hiện các cá thể bị ốm cần tách chúng ra khỏi đàn để điều trị
- c).** Chăm sóc gà đẻ trứng, thời gian chiếu sáng hàng ngày phải từ 14 đến 16 giờ để tăng cường khả năng tiêu hóa và hấp thụ chất dinh dưỡng của gà.
- d).** Nếu chủ trang trại có ý định nuôi chim cút lấy trứng thay cho nuôi gà đẻ trứng thì các bước kỹ thuật cũng tương tự.

Câu 2: Một trang trại chăn nuôi lợn quy mô lớn đang áp dụng công nghệ hiện đại để quản lý đàn lợn hiệu quả hơn. Chủ trang trại quyết định sử dụng chip điện tử gắn trên mỗi con lợn để theo dõi tình trạng sức khỏe, lịch sử tiêm phòng và giúp truy xuất nguồn gốc khi xuất chuồng. Trong một buổi tập huấn cho nhân viên mới, quản lý trang trại đặt câu hỏi kiểm tra kiến thức về lợi ích và hạn chế của công nghệ này:

- a).** Giúp theo dõi tình trạng sức khỏe và lịch sử tiêm phòng của lợn.
- b).** Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc sản phẩm, nâng cao chất lượng thịt lợn.
- c).** Trong mô hình này mỗi lợn nái được gắn 1 chip điện tử, thiết bị này có khả năng ghi nhận các thông tin cơ bản của lợn. Sau đó chuyển thông tin về não bộ, để giúp lợn phân tích và điều chỉnh quá trình hoạt động của nó.
- d).** Đối với chăn nuôi hộ gia đình nên lựa chọn công nghệ này để mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Câu 3: Trong mô hình chăn nuôi gà đẻ trứng tự động, có các nhận định sau:

- a)** Trứng được thu gom thủ công rồi mới chuyển vào dây chuyền phân loại.
- b)** Hệ thống có khả năng tách trứng vỡ, trứng dập và trứng không đạt yêu cầu.
- c)** Các trứng đạt chuẩn được khử khuẩn, phân loại, in thông tin và đóng gói tự động.
- d)** Người chăn nuôi phải tự kiểm tra thủ công chất lượng trứng từng ngày.

Câu 4: Khi nói về chế biến sản phẩm chăn nuôi, có các nhận định sau:

- a)** Chế biến sản phẩm chăn nuôi chỉ sử dụng một phương pháp duy nhất để xử lý nguyên liệu.
- b)** Chế biến giúp tăng giá trị dinh dưỡng và kéo dài thời gian bảo quản thực phẩm.
- c)** Thực phẩm sau chế biến không còn chứa bất kỳ vi sinh vật nào.
- d)** Chế biến có thể tạo ra sản phẩm có giá trị sinh học cao như sữa chua giúp tăng sức khỏe cho người dùng.

II. PHÂN TỰ LUẬN:

- Phân tích được một số yêu cầu cơ bản về thức ăn đối với các loại vật nuôi phổ biến.
- Đề xuất được một số ứng dụng công nghệ cao phù hợp với thực tiễn chăn nuôi ở địa phương nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi và bảo vệ môi trường.
- Đề xuất được mô hình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP cho một loại vật nuôi phổ biến ở địa phương em.
- Phân tích được nội dung các bước trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP.

*****HẾT*****

Chúc các em thi tốt